

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-PT
Ngày 04 - 01 - 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lò Văn Điệt

Các Thẩm phán: Ông Chăm Văn Thanh, bà Hoàng Thị Bích Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLPT - KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện MS bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng X Việt Nam. Địa chỉ: Tháp X, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Người được ủy quyền ông Nguyễn Thế D, chức vụ giám đốc Ngân hàng X, Chi nhánh Sơn La. Địa chỉ: Số e, đường TH, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Theo Quyết định số: 152/QĐ-X ngày 19/01/2015 của Ngân hàng X Việt Nam về việc ủy quyền tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X Việt Nam, Chi nhánh Sơn La: Ông Ngô Quang H - Trưởng phòng khách hàng cá nhân (Theo giấy ủy quyền số: 1259/UQ-X.SL ngày 19/7/2016). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Trường S. Địa chỉ: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1951; trú tại: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La (Theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2015). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Thành T. Địa chỉ: Tổ z, đường TH, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

+ Bà Trần Thị L. Địa chỉ: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đình T là Luật sư, Công ty Luật Kc, địa chỉ: Pa Tòa nhà Trung tâm thương mại và căn hộ chung cư đô thị XL, phường PL, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng X Việt Nam (viết tắt X) trình bày:

Ngày 17/8/2013, chủ hộ kinh doanh bà Bùi Thị H có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Trường S (chồng) thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch vay vốn tại Ngân hàng X Việt Nam, chi nhánh Sơn La (viết tắt X-SL). Ông Nguyễn Trường S đề nghị được vay số tiền là 03 tỷ đồng, kèm theo phương án kinh doanh nông sản của hộ kinh doanh bà Bùi Thị H. Ngân hàng chấp nhận, ngày 12/9/2013, ông S ký kết hợp đồng hạn mức số: 01/2013/HĐ với mức dư nợ tối đa là 03 tỷ VNĐ với X-SL. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho X-SL, ông S và bà Bùi Thị H đã ký 02 hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp số: 01/2011/HĐ ngày 10/10/2011, giữa X-SL với ông Nguyễn Trường S, bà Bùi Thị H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị H số BE 644031 do UBND huyện MS cấp ngày 31/8/2011, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện MS, ngày 12/10/2011. Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 15/4/2014, tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện MS.

- Hợp đồng thế chấp số: 01/2013/HĐ ngày 30/8/2013, giữa X-SL với ông Nguyễn Thành T (bên được bảo lãnh ông Nguyễn Trường S). Tài sản thế chấp là

quyền sử đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thành T số AN 056327 do UBND huyện MS cấp ngày 04/9/2008. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện MS, ngày 10/9/2013.

X-SL đã tiến hành giải ngân 03 lần qua các đề nghị giải ngân, kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng số: 05/2013/HĐ ngày 17/9/2013, số tiền là 01 tỷ VNĐ, thời hạn trả nợ gốc ngày 17/3/2014; hợp đồng số: 06/2013/HĐ ngày 20/9/2013, số tiền là 01 tỷ 01 trăm triệu VNĐ, thời hạn trả nợ gốc ngày 20/3/2014; hợp đồng số: 07/2013/HĐ ngày 24/9/2013, số tiền là 09 trăm triệu VNĐ, thời hạn trả nợ gốc ngày 24/3/2014. Tổng cộng số tiền 03 lần đã giải ngân là 03 tỷ VNĐ, toàn bộ số tiền này ông S đề nghị chuyển vào tài khoản của bà Cẩm Thanh T, tại NH: X- SL chuyển tiền mua hàng (kèm theo các hợp đồng kinh tế mua bán nông sản giữa ông Nguyễn Trường S và bà Cẩm Thanh T).

Ngày 10/02/2014, Ngân hàng đã thông báo nợ lãi đến hạn của 03 hợp đồng tín dụng cụ thể trên đến ông Nguyễn Trường S. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ gốc lãi đến hạn và quá hạn. Ngày 08/4/2014, ông S, bà Trần Thị L đến làm việc, Ngân hàng đã thông báo số nợ gốc và lãi, đề nghị khách hàng có hướng xử lý tài sản thế chấp. Tại buổi làm việc bà L đề nghị được trực tiếp thanh toán các khoản vay của ông S, đang tìm kiếm khách hàng bán tài sản để trả nợ Ngân hàng và được ông S nhất trí.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo về việc xử lý nợ quá hạn của ông Nguyễn Trường S. Tại biên bản đối chiếu, xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 22/8/2014, ông S, bà L đã cam kết đến tháng 10 sẽ trả nợ gốc là 01 tỷ VNĐ và toàn bộ tiền lãi và tiền lãi quá hạn cho ngân hàng. Sau khi thanh toán khoản tiền này đề nghị X-SL cho rút tài sản thế chấp (GCNQSDĐ) mang tên Nguyễn Thành T và tiếp tục cho vay để hoạt động sản xuất kinh doanh. X-SL nhất trí với phương án của khách hàng, chậm nhất đến ngày 20/10/2014 phải thực hiện cam kết đã thỏa thuận. Tuy nhiên, ông S và bà H không xuất trình phương án kinh doanh và trả nợ theo đúng cam kết.

Ngày 17/11/2014, tại biên bản đối chiếu, xác nhận nợ và cam kết trả nợ, bà L, bà H tiếp tục cam kết chậm nhất đến ngày 01/12/2014 sẽ cung cấp phương án trả nợ. X-SL nhất trí và đề nghị ông S, bà H trực tiếp đến làm việc, không nhất trí làm việc với người được ủy quyền bà L (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng). Ngày 02/12/2014, X-SL nhận được phương án trả nợ và phương án kinh doanh của bà L.

Tuy nhiên, sau khi xem xét Ngân hàng thấy 03 phương án trả nợ của bà Bùi Thị H không có tính khả thi, ông S không đến X-SL làm việc theo cam kết.

Để đảm bảo việc thu hồi vốn Ngân hàng khởi kiện đề nghị Toà án: Buộc bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Trường S trả nợ vốn vay quá hạn cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.000.000.000VNĐ và số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2017 là 1.344.950.000VNĐ.

- Yêu cầu bên thứ 3 thực hiện đầy đủ trách nhiệm của bên bảo lãnh theo các điều khoản về hợp đồng thế chấp giữa ông Nguyễn Thành T, bà Bùi Thị H với ông Nguyễn Trường S và Ngân hàng.

- Nếu hộ kinh doanh bà Bùi Thị H không trả đủ nợ gốc và nợ lãi thì đề nghị Toà án phát mại tài sản bảo đảm đang thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Trường S và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Trường S ủy quyền toàn bộ việc giải quyết vụ án cho bà Trần Thị L. Bà L cho rằng gia đình bà là hộ kinh doanh, con gái bà là chị Hương đang đi học, không biết kinh doanh, con rể là anh Sinh giúp việc cho gia đình. Vì vậy, việc kinh doanh là của gia đình bà, không liên quan đến các con của bà. Bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng với các lý do sau:

- Thứ nhất: Bà L là người trực tiếp vay vốn và sử dụng tiền vay nhưng Ngân hàng lại khởi kiện ông Nguyễn Trường S, bà Bùi Thị H là không đúng đối tượng khởi kiện. Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án giữa Ngân hàng và gia đình ông S nên không còn quyền khởi kiện.

- Thứ hai: Ngân hàng đã tịch thu 05 tài sản là quyền sử dụng đất của gia đình bà, trong đó có tài sản của bà Bùi Thị H từ ngày 06/5/2014, khi các khoản vay tại Ngân hàng chưa đến hạn là không đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu này, bà L đã có đơn đề nghị lên Ban Nội chính tỉnh ủy Sơn La xem xét nhưng chưa có kết quả giải quyết. Vì vậy, bà L đề nghị Toà án trả lại đơn khởi kiện của Ngân hàng đợi kết quả giải quyết khiếu nại của gia đình bà về việc Ngân hàng thu giữ tài sản thế chấp trái quy định.

Tại bản tự khai ngày 13/01/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thành T số AN 056327 do UBND huyện MS cấp ngày 04/9/2008 là do gia đình bà L thỏa thuận cho ông đứng tên, còn tài sản là của bà L. Vì vậy, ông T đã đứng tên trong hợp đồng thế chấp số: 01/2013/HĐ ngày 30/8/2013 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Thành T để bảo đảm cho khoản tiền vay của hộ kinh doanh bà Bùi Thị H và ông S tại Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo lãnh, ông Trung đồng ý với việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông S, bà H không thanh toán đủ tiền nợ trả cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cùng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:

Bà L cho rằng quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thành T là tài sản của bà và thỏa thuận nhờ ông Trung đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với tài sản này, bà L khẳng định không thế chấp để ông S vay tiền theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2013/HĐ. Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thành T đã được giải chấp và chỉ lưu tại Ngân hàng để khi cần thiết sẽ làm thủ tục vay vốn. Bà L đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác thì cán bộ Ngân hàng đã làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất này là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, bà đề nghị Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp mang tên Nguyễn Thành T cho bà.

Tại bản án số: 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện MS quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 288, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 318, Điều 342, Điều 343, Điều 347, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 362, Điều 369 của Bộ luật dân sự 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Trường S phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tiền gốc là 3.000.000.000VNĐ, lãi trong hạn là 46.650.000VNĐ, tiền nợ lãi quá hạn là 1.298.300.000VNĐ. Tổng cộng là 4.344.950.000VNĐ (*Bốn tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Trường S không thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền 4.344.950.000VNĐ cho Ngân hàng XViệt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2011/HĐ ngày 10/10/2011 và hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐ ngày 30/8/2013 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thi hành khoản nợ thì ông S, bà H có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng XViệt Nam.

Trong trường hợp bà H và ông S đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền 4.344.950.000VNĐ cho Ngân hàng XViệt Nam thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị H số BE 644031 do UBND huyện MS cấp ngày 31/8/2011 cho bà H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thành T số AN 056327 do UBND huyện MS cấp ngày 04/9/2008 cho ông Trung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 11/10/2017, bà Trần Thị L đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Trường S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nội dung: Nguyên đơn (Ngân hàng) chưa cung cấp được chứng cứ để chứng minh, ông Nguyễn Trường S đã nhận số tiền 03 tỷ VNĐ của X-SL “03 giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng, người thụ hưởng, tên tài khoản Cẩm Thanh T, số TK 411.10.00.007600.6, tại NH: X-SL” đã 03 lần nhận tiền vay, tổng số tiền là 03 tỷ VNĐ. Ngân hàng chưa cung cấp chứng từ, tài liệu chứng minh ông S đã nhận số tiền này.

Bà Bùi Thị H không được vay Ngân hàng khoản tiền nào, hợp đồng số: 01/2013/HĐ ngày 12/9/2013, do ông S ký nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả nợ là không đúng.

Ba khế ước vay tiền không liên quan đến hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐ ngày 30/8/2013, thế chấp quyền sử dụng 4.623m² đất, mang tên Nguyễn Thành T, án sơ thẩm tuyên xử lý tài sản này là trái quy định về xử lý tài sản thế chấp khi vay vốn.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại một cách khách quan theo đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm khoản 3 Điều 53 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi vì đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, lại tiếp tục giải quyết tiếp vụ án là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận bổ sung của bà L nhất trí với đề nghị của Luật sư.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không nhất trí với đề nghị của Luật sư, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án nhân dân huyện MS đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 35/QĐST-DS ngày

17/8/2015 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa. Nguyên đơn Ngân hàng XViệt Nam. Người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng XViệt Nam - Chi nhánh Sơn La. Địa chỉ: số 188, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S. Địa chỉ: Bản Phát, xã Chiềng Mung, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H. Địa chỉ: Bản Phát, xã Chiềng Mung, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Ông Nguyễn Thành T. Địa chỉ: Tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Lý do đình chỉ nguyên đơn chưa xác định đầy đủ đối tượng bị khởi kiện, chưa đủ điều kiện để khởi kiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 168 và điểm i khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số: 01/2015/TB-TLVA ngày 23/10/2015. Bản án sơ thẩm số: 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La. Thẩm phán đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án này, lại tiếp tục giải quyết tiếp vụ án là không đúng quy định, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Trong trường hợp này Thẩm phán phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2011; khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn; khoản 3 Điều 53 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do Tòa án cấp sơ thẩm có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nêu trên, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Bản án bị hủy do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên tại cấp phúc thẩm không xem xét đến nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bản án bị hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy bản án sơ thẩm số: 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số: 04667 ngày 17/10/2017, tại Chi Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (04/01/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lò Văn Diệt